

Dù sử dụng phần mềm gì thì lệnh tắt cũng đóng một vài trò rất quan trọng. Nó giúp ta giảm bớt thời gian một cách đáng kể. Mình xin giới thiệu đến các bạn một số lệnh tắt trong Revit, hy vọng nó sẽ giúp ích cho bạn.

Cửa sổ màn hình

WC – Window – Cascade: cho các khung màn hình hiển thị ngang.

WT – Window – Tile: cho các khung màn hình hiển thị trải đều.

Tệp – File

ER – File-Editing Requests

RL – File-Reload Latest

Khung nhìn – View

ZR – View-Zoom-Zoom In Region – Gọi lệnh phóng to thu nhỏ rồi dùng con lăn để phóng to thu nhỏ hoặc bấm chuột chọn vùng phóng.

ZZ – View-Zoom-Zoom In Region – Gọi lệnh phóng to thu nhỏ rồi dùng con lăn để phóng to thu nhỏ hoặc bấm chuột chọn vùng phóng.

ZO – View-Zoom-Zoom Out (2x) – Thu nhỏ

ZV – View-Zoom-Zoom Out (2x) – Thu nhỏ(Nên chọn lệnh này hơn lệnh ZO)

ZF – View-Zoom-Zoom To Fit – Đưa toàn bộ bản vẽ về màn hình.

ZE – View-Zoom-Zoom To Fit – Đưa toàn bộ bản vẽ về màn hình.

ZX – View-Zoom-Zoom To Fit – Đưa toàn bộ bản vẽ về màn hình.

ZA – View-Zoom-Zoom All To Fit – Đưa toàn bộ bản vẽ về màn hình. Nên chọn ZA hoặc ZA tiện hơn ZE và ZF.

ZS – View-Zoom-Sheet Size – Phóng đầy sheet lên màn hình.

ZP – View-Zoom-Previous Pan/Zoom – Trở về màn hình trước đó

ZC – View-Zoom-Previous Pan/Zoom – Trở về màn hình trước đó. Nên chọn ZC tiện hơn là chọn ZP VP menu: View-View Properties : Gọi bảng thuộc tính của mặt bằng hiện tại

VP – View-View Properties – Chỉnh chế độ xem

VG – View-Visibility/Graphics – Chỉnh chế độ biểu hiện

VV – View-Visibility/Graphics

HH – View-Temporary Hide/Isolate-Hide Element – Ẩn đối tượng

HI – View-Temporary Hide/Isolate-Isolate Element – Cô lập đối tượng

HC – View-Temporary Hide/Isolate-Hide Category – Ẩn thể loại

IC – View-Temporary Hide/Isolate-Isolate Category

HR – View-Temporary Hide/Isolate-Reset Temporary Hide/Isolate

EH – View-Hide in view-Elements

VH – View-Hide in view-Category

EU – View-Unhide in view-Elements

VU – View-Unhide in view-Category

WF – View-Wireframe

HL – View-Hidden Line

SD – View-Shading with Edges

AG – View-Advanced Model Graphics – Mô hình đồ họa cao cấp khác

RR – View-Rendering Dialog – Bật hộp thoại render

TL – View-Thin Lines – Mỏng dòng

F5 – View-Refresh

Chỉnh sửa các đối tượng – Edit

RW – File-Reload Latest

DE – Edit-Delete – Xóa các đối tượng.

MD – Edit-Modify – Lệnh Modify.

SA – Edit-Select All Instances – Chọn tất cả các đối tượng.

MV – Edit-Move – Di chuyển.

CO hoặc CC – Edit-Copy – Sao chép.

RO – Edit-Rotate – Xoay hình.

AR – Edit-Array – Tạo dãy.

MM – Edit-Mirror – Lấy đối xứng.

RE – Edit-Resize – Thay đổi kích thước.

GP – Edit-Group-Create Group – Tạo nhóm.

EG – Edit-Group-Edit Group – Sửa nhóm.

UG – Edit-Group-Ungroup – Hủy nhóm

LG – Edit-Group-Link Group

EX – Edit-Group-Exclude Member

MP – Edit-Group-Move Member to Project

RB – Edit-Group-Restore Excluded Member

RA – Edit-Group-Restore All

AP – Edit-Group-Add to Group – Đưa thêm một nhóm vào một nhóm sẵn có(Lệnh con của lệnh EG)

RG – Edit-Group-Remove from Group – Bỏ một đối tượng trong nhóm(lệnh con của lệnh EG)

AD – Edit-Group-Attach Detail – Đưa thêm một đối tượng vào nhóm(lệnh con của lệnh EG)

PG – Edit-Group-Group Properties – Chọn thuộc tính của nhóm(lệnh con của lệnh EG)

FG – Edit-Group-Finish Group – Kết thúc của lệnh EG và lệnh tạo nhóm

CG – Edit-Group-Cancel Group – Hủy lệnh EG và lệnh tạo nhóm

PP – Edit-Pin Position

UP – Edit-Unpin Position

CS – Edit-Create Similar

PR – Edit-Properties

Dựng mô hình – Modelling

WA – Modelling-Wall: vẽ tường.

DR – Modelling-Door

WN – Modelling-Window

CM – Modelling-Component

LI – Modelling-Lines

RP – Modelling-Ref Plane

RP – Drafting-Ref Plane

RP – Modelling-Ref Plane

DI – Drafting-Dimension

EL – Drafting-Spot Dimension-Spot Elevation

TX – Drafting-Text

GR – Drafting-Grid

LL – Drafting-Level

TG – Drafting-Tag-By Category

RM – Drafting-Room

RT – Drafting-Room Tag

DL – Drafting-Detail Lines

F7 – Tools-Spelling

MA – Tools-Match
LW – Tools-Linework
PT – Tools-Paint
SF – Tools-Split Face
AL – Tools-Align
SL – Tools-Split Walls and Lines
TR – Tools-Trim/Extend
OF – Tools-Offset
SU – Settings-Sun and Shadows Settings
UN – Settings-Project Units
SI – snapcode: Intersections – Nút giao nhau
SE – snapcode: Endpoints – Điểm cuối
SM – snapcode: Midpoints – Điểm giữa
SC – snapcode: Centers – Trung tâm
SN – snapcode: Nearest – Gần nhất
SP – snapcode: Perpendicular
ST – snapcode: Tangents
SW – snapcode: Work Plane Grid
SQ – snapcode: Quadrants
SX – snapcode: Points – Points điểm
SR – snapcode: Snap to Remote Objects – Bắt đối tượng từ xa
SZ – snapcode: Close
SO -snapcode: Snaps Off – tắt chức năng bắt điểm
SS – snapcode: Turn Override Off